

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/5/2020.  
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị P

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị T

Ông Trần Văn C

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị H-Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B:*** Bà Nguyễn Thị Đ- Kiểm sát Viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 380/2020/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 90/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1982  
HKTT: 356/35B, KP1, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.  
Trú tại: 319/49, KP1, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976  
Trú tại: 356/35B, KP1, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\*Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019, các lời khai tại hồ sơ bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:**

Bà và ông Trần Văn T quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, TP B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, nhưng sau đó trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã thường xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến

nay mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung: Trần Quốc V, sinh ngày 15/8/2003 và Trần Vy P, sinh ngày: 31/5/2009.

Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung: Không có.

\*Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào phát biểu của Kiểm sát Viên về Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về Việc giải quyết vụ án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [1]Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông Trần Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân TP. B tỉnh Đồng Nai tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trần Văn T và không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét bà Nguyễn Thị Thu V là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

### Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

**[1]Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Nguyễn Thị Thu V, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng xích mích, hay xảy ra cãi vã thường xuyên, bất

đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Vì vậy nay bà làm đơn xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ theo quy định các giấy triệu tập làm Việc, thông báo hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông đã bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu V.

**[2]Về con chung:** Có hai con chung: Trần Quốc V, sinh ngày 15/8/2003 và Trần Vy Ph, sinh ngày 31/5/2009.

Ly hôn, bà V xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện hai cháu Vệt, Phụng đang sống chung bà V, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà V, ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến gì. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà V. Giao hai con cho bà V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**[3]Về tài sản chung và nợ chung:** Do không thu thập được lời khai của Trần Văn T nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, và vì bà Nguyễn Thị Thu V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét tại phiên tòa hôm nay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

**[4]Về án phí HNGĐ-ST:** Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu V và ông Trần Văn T.

- **Về con chung** Giao hai con chung Trần Quốc V, sinh ngày 15/8/2003 và Trần Vy Ph, sinh ngày 31/5/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**- Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra xem xét.

**- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thu V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007939 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

*-Tòa án tỉnh;*

*-VKSND Tp B;*

*-Các đương sự;*

*-Thi hành án;*

*-Lưu hồ sơ, Vp.*

*-Cơ quan đã thực hiện*

*Vệc đăng ký kết hôn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phú**